



xuàng uāng

眩光

noun · glare, dazzling light

Example Sentence

Kāi chē shí duì miàn lái chē de xuàng uāng ràng wǒ kàn bù qīng lù
开车时，对面来车的眩光让我看不清路。

When driving, the glare from oncoming cars makes it hard for me to see the road.

Trace each character, then write the word on your own.

眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩	眩
眩	眩									

光	光	光	光	光	光	光	光	光		
